TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24/01/2024
V/v tranh chấp:" Xin ly hôn và nuôi con chung "

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông **Phạm Trung Thành**

2. Bà **Âu Thị Ngọc Hoa**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Công Thúy An** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa*.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 627/2023/TLST–HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp *"Xin Ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trương Thị P**, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Ấp An H, xã Đông Hòa H, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn V**, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Ấp Mỹ C, xã Hậu Mỹ B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

(Chị P có mặt tại phiên tòa, anh Vốn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 21/9/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị P trình bày*:

- Chị và anh Phạm Văn V xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2014, có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng ý kiến, vợ chồng thường hay cãi nhau và đã tự cắt đứt quan hệ vợ chồng

từ tháng 7/2023 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nay chị yêu cầu xin ly hôn anh Vốn.

- Về con chung: Chị và anh V có 02 con chung tên Phạm Thị Sang N, sinh ngày 03/10/2015 và Phạm Thị Cẩm T, sinh ngày 14/12/2016. Hiện 02 con chung do chị nuôi dưỡng.

Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi hết 02 con chung, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/02 con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn anh Phạm Văn V không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc kiện*.

* Tại phiên tòa, chị P vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung. Riêng về cấp dưỡng nuôi con chị thay đổi chỉ yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 2.000.000 đồng/ 02 con. Anh V vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về việc vắng mặt đương sự*: Xét thấy anh V là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để dự phiên tòa xét xử việc chị P xin ly hôn anh đến lần thứ hai, nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Chị P có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn của chị và anh V theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn trong vụ án có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Về quan hệ tranh chấp*: Chị P có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung của chị và anh V, nên xác định đây là tranh chấp Xin ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân:*

- Chị Trương Thị P và anh Phạm Văn V xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 113/2015 ngày 07/12/2015.

Theo lời chị P khai vợ chồng sống đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng ý kiến, vợ chồng thường hay cãi nhau và đã tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 7/2023 đến nay không ai tới lui ai.

- Anh V là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án thông báo triệu tập hợp lệ để xét xử việc chị P xin ly hôn anh đến lần thứ 2, nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do, đồng thời anh cũng không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc kiện, như vậy chứng tỏ anh cũng không quan tâm đến tình cảm vợ chồng giữa anh và chị P, đồng thời xem như anh từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi của mình theo quy định tại các Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Xét yêu cầu xin hôn của chị P là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P, cho chị P được ly hôn anh V là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. *Về con chung*:

- Chị P và anh V có 02 con chung tên Phạm Thị Sang N, sinh ngày 03/10/2015 và Phạm Thị Cẩm T, sinh ngày 14/12/2016. Hiện 02 con chung do chị nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi hết 02 con chung.

Xét thấy 02 con chung hiện do chị P trực tiếp nuôi dưỡng từ khi vợ chồng cắt đứt qun hệ đến nay đã ổn định, nên không cần xáo trộn tình cảm của các con chung mà tiếp tục giao hết 02 con chung cho chị P nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị P yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền là 2.000.000 đồng/02 con. Xét thấy Phạm Thị Sang N, sinh ngày 03/10/2015 và Phạm Thị Cẩm T, sinh ngày 14/12/2016 là con chung chị P và anh V. Khi ly hôn con do chị P nuôi dưỡng, anh V không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị P là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 82, Điều 107 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị P.

- *Về mức cấp dưỡng nuôi con*: Chị P yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền là 2.000.000 đồng/02 con. Xét mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị P là phù hợp với khả năng thu nhập trung bình tại địa phương, do vậy chấp nhận yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con của chị P. Buộc anh V cấp dưỡng nuôi con cùng chị P mỗi tháng số tiền là 2.000.000 đồng/02 con chung và thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi.

[2.3]. *Về tài sản chung*: Không có.

[2.4]. *Về nợ chung*: Không có.

[3]. Về án phí: Chị P là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh V phải chịu án phí về phần cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều 357 Bộ Luật Dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị P;

- Cho chị Trương Thị P được ly hôn với anh Phạm Văn V.

2. *Về con chung*: Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị Trương Thị P;

2.1.Giao 02 con chung tên Phạm Thị Sang N, sinh ngày 03/10/2015 và Phạm Thị Cẩm T, sinh ngày 14/12/2016 cho chị Trương Thị P tiếp tục nuôi dưỡng.

2.2.Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Phạm Văn V cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên Phạm Thị Sang N, sinh ngày 03/10/2015 và Phạm Thị Cẩm T, sinh ngày 14/12/2016 cùng chị Trương Thị P mỗi tháng số tiền là 2.000.000 đồng/ tháng/02 con.

- Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

3. *Về tài sản chung*: Không có.

5. *Về nợ chung*: Không có.

6. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*:

- Chị Trương Thị P chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013138 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, xem như chị P đã thi hành xong tiền án phí.

- Anh Phạm Văn V chịu 300.000 đồng tiền án phí về cấp dưỡng nuôi con.

7. *Về quyền kháng cáo*:

- Chị P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Anh V được tính từ khi nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Hậu Mỹ Bắc A, H. Cái Bè, TG;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Nhịn